

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 509/2013/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý thống nhất
các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 136/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;

Căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ;

Căn cứ Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 67/TTr-SNgV ngày 14 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 58/2010/QĐ-UBND ngày 08/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 509/2013/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm tổ chức thực hiện và quy trình thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là ngành, địa phương, cơ quan); các cán bộ, công chức, viên chức của các ngành, địa phương, cơ quan nói trên (sau đây viết tắt là cán bộ, công chức).

b) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung của hoạt động đối ngoại

1. Các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Tổ chức và quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào địa bàn tỉnh (đoàn vào).

3. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

4. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế.

5. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

6. Công tác ngoại giao kinh tế, công tác vận động, quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN), vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi; công tác xúc tiến đầu tư và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

7. Công tác văn hóa đối ngoại.

8. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

9. Công tác thông tin và tuyên truyền đối ngoại.

10. Quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại địa bàn tỉnh.

11. Theo dõi, tổng hợp và đánh giá thông tin về tình hình quốc tế và khu vực có tác động đến tỉnh.

12. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đối ngoại.

13. Tiếp nhận các hình thức khen thưởng của Nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng.

14. Kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại tỉnh Bắc Giang có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động đối ngoại

1. Đảm bảo tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự quản lý tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động đối ngoại; sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa Trung ương và địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giữa hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh; giữa thông tin đối ngoại, thông tin trong nước và thông tin trong tỉnh.

4. Hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh thực hiện theo chương trình đối ngoại hàng năm đã được duyệt; đảm bảo nghiêm túc chế độ báo cáo, xin ý kiến theo quy định.

5. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động, tích cực của các ngành, địa phương, cơ quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ đối ngoại; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động đối ngoại.

Chương II

THẨM QUYỀN VÀ VIỆC TRÌNH DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 4. Các nội dung, hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh cần phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định

Thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định các hoạt động đối ngoại

1. Chủ tịch UBND tỉnh thay mặt UBND tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về một số hoạt động đối ngoại sau đây:

a) Việc vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại

Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

b) Việc vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ của các cá nhân và tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

c) Việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

d) Việc tiếp nhận, xem xét và giải quyết hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/2012/NĐ-CP).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động đối ngoại của tỉnh theo thẩm quyền, bao gồm:

a) Việc đi nước ngoài của cá nhân hoặc các đoàn có cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh đã nghỉ hưu (trừ trường hợp các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghỉ hưu thì theo quy định riêng của Bộ Chính trị); cán bộ, công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ra nước ngoài công tác hoặc nếu đi giải quyết việc riêng (thăm quan du lịch, chữa bệnh, thăm thân) có thời hạn ở nước ngoài trên 15 ngày.

b) Việc mời và tiếp đón các đoàn cấp tỉnh trưởng của các địa phương có quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống; các đoàn cấp Thứ trưởng, Phó tỉnh trưởng hoặc tương đương trở xuống của các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế đến thăm và làm việc với tỉnh.

c) Việc nhận các danh hiệu, hình thức khen thưởng của tổ chức, cá nhân nước ngoài trao tặng cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Việc xét tặng các danh hiệu khen thưởng cấp tỉnh cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định của pháp luật.

đ) Việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và các quy định của pháp luật (sau đây viết tắt là Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg).

e) Việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Điều 15, Điều

16 của Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Khóa XI) về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11).

g) Cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo quy định tại Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (sau đây viết tắt là Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg).

h) Các hoạt động đối ngoại khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo pháp luật.

3. Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; thủ trưởng các cơ quan của Đảng, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố xem xét, quyết định cho phép xuất cảnh đối với trường hợp cá nhân cán bộ, công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ra nước ngoài giải quyết việc riêng (thăm quan du lịch, chữa bệnh, thăm thân) với thời hạn ở nước ngoài không quá 15 ngày.

4. Đối với công dân Việt Nam thường trú hợp pháp tại Bắc Giang không thuộc diện quy định tại điểm a, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này xuất cảnh theo quy định hiện hành.

Điều 6. Xây dựng và trình duyệt Chương trình hoạt động đối ngoại

1. Hàng năm, các ngành, địa phương, cơ quan có trách nhiệm xây dựng Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau của ngành, địa phương, cơ quan mình gửi về Sở Ngoại vụ trước ngày 05 tháng 11 năm trước.

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tổng hợp và dự thảo Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 11 hàng năm. Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi gửi Bộ Ngoại giao trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại trong năm, Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau, Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra, Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn vào (theo mẫu 1, mẫu 2 và mẫu 5 kèm theo Quy chế này).

3. Đối với các hoạt động đối ngoại có liên quan đến dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo (sau đây viết tắt là nhạy cảm, phức tạp), Sở Ngoại vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tham khảo ý kiến Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trước khi đưa vào Chương trình hoạt động đối ngoại.

4. Đối với các hoạt động đối ngoại thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trước khi đưa vào Chương trình hoạt động đối ngoại.

5. Trong trường hợp cần bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ các hoạt động

trong Chương trình hoạt động đối ngoại đã được duyệt, Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trao đổi ý kiến với Bộ Ngoại giao và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi thực hiện ít nhất 15 ngày làm việc (theo mẫu 3 kèm theo Quy chế này).

Điều 7. Tổ chức triển khai Chương trình hoạt động đối ngoại

1. Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm xây dựng đề án cụ thể để triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại của ngành, lĩnh vực được giao phụ trách trong Chương trình (theo mẫu 4 kèm theo), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

2. Đối với những hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài Chương trình đã được phê duyệt và chưa kịp trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung đúng kỳ hạn (theo quy định tại khoản 5 Điều 6) nhưng không có tính chất phức tạp, nhạy cảm, cơ quan thực hiện báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động giải quyết và kịp thời thông báo cho Bộ Ngoại giao để báo cáo Thủ tướng Chính phủ ngay sau khi kết thúc hoạt động.

3. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương III THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 8. Tổ chức và quản lý đoàn đi nước ngoài (đoàn ra)

1. Việc đi nước ngoài của các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy không kiêm nhiệm các chức vụ chính quyền, các đồng chí đã nghỉ hưu nguyên là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

2. Việc đi nước ngoài của các đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan thuộc chính quyền địa phương (nếu có); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ trường hợp do Bí thư Tỉnh ủy kiêm nhiệm) thì Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin phép Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với nhân sự đi nước ngoài là cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc khối Đảng, đoàn thể, Hội đồng nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội, cơ quan cử đi có văn bản gửi Thường trực Tỉnh ủy (thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy). Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy đến cán bộ, các cơ quan chức năng biết, thực hiện; đồng thời gửi Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

4. Đối với nhân sự đi nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ tục quyết định hoặc cho phép đoàn ra thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Sở Ngoại vụ, bao gồm:

Văn bản của các ngành, địa phương, cơ quan đề nghị cử hoặc cho phép cán bộ, công chức đi nước ngoài, trong đó nêu rõ: thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ, mã ngạch, hệ số lương của người đi nước ngoài; nội dung, mục đích chuyến đi; thời gian ở nước ngoài; dự trù và nguồn kinh phí phục vụ chuyến đi.

Văn bản hoặc thư mời đi nước ngoài của các cơ quan, đơn vị hoặc các đối tác.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Ngoại vụ thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Đối với cán bộ, công chức đi nước ngoài thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy trước khi quyết định; đồng gửi cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy biết và theo dõi. Thời hạn giải quyết đối với trường hợp này được kéo dài thêm nhưng không quá 07 ngày làm việc.

5. Đối với các cán bộ, công chức được cử đi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài từ 06 tháng liên tục trở lên (trừ trường hợp đi học tập theo Đề án 165 của Ban Tổ chức Trung ương) thì thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập.

6. Đối với các trường hợp đi nước ngoài được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này, văn bản cho phép xuất cảnh của cơ quan quản lý cán bộ, công chức phải gửi Văn phòng UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh tổng hợp, theo dõi.

7. Đối với nhân sự đi nước ngoài làm việc tại các cơ quan thuộc Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh, việc thực hiện, tổ chức, quản lý đoàn ra theo quy định của các cơ quan ngành dọc Trung ương, cơ quan quản lý phải có văn bản báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh trước khi xuất cảnh.

8. Trách nhiệm của các cơ quan liên qua.

a) Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch và tổ chức các đoàn lãnh đạo tỉnh, đoàn liên ngành đi công tác nước ngoài theo chương trình đối ngoại hàng năm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đi nước ngoài của các đoàn có các đồng chí lãnh đạo từ cấp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam nơi đoàn đến hoạt động trước ít nhất 07 ngày làm việc về nội dung, chương trình hoạt động tại quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế tiếp nhận; đồng thời báo cáo Bộ Ngoại giao.

Giữ mối liên lạc với các đoàn đi nước ngoài để kịp thời báo cáo xin ý kiến Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề

nhạy cảm, phức tạp phát sinh trong thời gian đoàn đang công tác ở nước ngoài; báo cáo kết quả xử lý về Bộ Ngoại giao sau khi kết thúc chuyến công tác.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp và đánh giá tình hình hoạt động của các đoàn đi nước ngoài báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các ngành, địa phương, cơ quan chịu trách nhiệm về nhân sự đối với các cán bộ, công chức do các ngành, địa phương, cơ quan đề nghị hoặc cho phép đi nước ngoài.

c) Các đoàn và cá nhân cán bộ, công chức đi nước ngoài có trách nhiệm:

Chấp hành nghiêm luật pháp quốc tế, luật pháp Việt Nam và của nước sở tại; giữ gìn kỷ luật phát ngôn, bí mật quốc gia. Thực hiện đúng nội dung, chương trình đã được duyệt. Trường hợp có những yêu cầu ngoài chương trình đã được duyệt hoặc có những vấn đề nhạy cảm, phức tạp phát sinh phải kịp thời báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Trưởng cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại.

Đối với các đoàn, cá nhân xuất cảnh công tác, chậm nhất 07 ngày sau chuyến đi, Trưởng đoàn (nếu theo đoàn), cá nhân có trách nhiệm gửi báo cáo về kết quả chuyến công tác tại nước ngoài tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ và đơn vị trực tiếp quản lý. Riêng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý cần gửi thêm 01 bản báo cáo kết quả tới Thường trực Tỉnh ủy (thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

Các cán bộ, công chức là Đảng viên đi nước ngoài, ngoài việc thực hiện các quy định tại Quy chế này còn có trách nhiệm thực hiện theo quy định đối với Đảng viên đi nước ngoài của Trung ương.

Điều 9. Quản lý hộ chiếu ngoại giao (HCNG), hộ chiếu công vụ (HCCV)

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp mới, gia hạn hoặc sửa đổi bổ sung HCNG, HCCV, công hàm xin thị thực nhập cảnh nước đến; thực hiện quản lý HCNG, HCCV theo quy định của pháp luật và quy định quản lý HCNG, HCCV của tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan có cán bộ, công chức được cấp HCNG, HCCV; cán bộ, công chức được cấp HCNG, HCCV có trách nhiệm quản lý và sử dụng HCNG, HCCV theo quy định tại Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.

Điều 10. Tổ chức đón tiếp và quản lý đoàn nước ngoài đến làm việc tại tỉnh (đoàn vào)

1. Đối với việc đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định 67/2011/QĐ-TTg, Sở Ngoại vụ tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng kế hoạch đón tiếp theo quy định của pháp luật để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Đối với việc đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc trực tiếp với Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Ngoại vụ chủ trì xây dựng chương trình đón tiếp, nội dung làm việc trình phê duyệt trước khi thực hiện; phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đón tiếp theo đúng quy

định về lễ tân ngoại giao. Các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ vào các nội dung được phân công để tổ chức thực hiện.

3. Các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp các đối tác nước ngoài của đơn vị mình, phải có văn bản đề nghị gửi Sở Ngoại vụ để thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu được chấp thuận, đơn vị chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ chuẩn bị nội dung và các điều kiện cần thiết cho buổi đón tiếp.

4. Đối với đoàn đến thăm và làm việc với các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh theo chương trình của cơ quan Trung ương, các ngành, địa phương, cơ quan xây dựng kế hoạch, nội dung làm việc cụ thể và thông báo cho Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh để theo dõi, tổng hợp theo quy định.

5. Đối với các đoàn khách nước ngoài lần đầu đến làm việc: Căn cứ chương trình, nội dung làm việc của đoàn, các ngành, địa phương, cơ quan có văn bản gửi Sở Ngoại vụ, đồng gửi Công an tỉnh. Sở Ngoại vụ phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xem xét trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

6. Văn bản của các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh về việc mời, đón tiếp khách nước ngoài phải gửi Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh trước ngày đón tiếp ít nhất 05 ngày làm việc. Nội dung văn bản phải nêu rõ nội dung, hình thức, địa điểm cuộc tiếp, thành phần (họ tên, chức danh, quốc tịch, số hộ chiếu của khách nước ngoài), chương trình của khách tại địa phương và các vấn đề liên quan. Các cơ quan, đơn vị được phép đón tiếp, làm việc với khách nước ngoài phải chấp hành nghiêm luật pháp Việt Nam, thực hiện theo đúng chương trình, nội dung đã được phê duyệt.

Điều 11. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh hướng dẫn và quản lý Nhà nước các hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát sinh các vấn đề nhạy cảm, phức tạp phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng khác.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết các vấn đề phát sinh đối với cơ quan lãnh sự nước ngoài hoặc văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ do Bộ Ngoại giao quản lý.

c) Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh số lượng đoàn vào và số lượng người nước ngoài nhập cảnh vào địa bàn tỉnh trong nội dung báo cáo đối ngoại của tỉnh.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bảo vệ, hỗ trợ, hướng dẫn và kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh về an ninh, trật tự và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

c) Định kỳ 6 tháng, hàng năm thống kê báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Ngoại vụ về tình hình người nước ngoài nhập cảnh, cư trú, lao động, công tác, học tập, kinh doanh, đầu tư trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Ban quản lý các Khu công nghiệp tổng hợp, đánh giá tình hình cấp phép, quản lý và sử dụng lao động nước ngoài của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp.

4. Các ngành, địa phương, cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh trong công tác quản lý hoạt động của cá nhân, tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 12. Công tác ngoại giao kinh tế, công tác vận động, quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); công tác xúc tiến đầu tư và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép công tác ngoại giao kinh tế vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (dài hạn và hàng năm) phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Phối hợp với Sở Ngoại vụ và các ngành, địa phương, cơ quan có liên quan thực hiện vận động thu hút nguồn vốn ODA, viện trợ PCPNN và công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài vào địa bàn tỉnh; thẩm tra, lựa chọn các đối tác nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; là đầu mối xúc tiến, vận động các khoản viện trợ của các cá nhân, tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

b) Trong trường hợp cần thiết, đề nghị Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam phối hợp, giúp đỡ trong việc thu thập thông tin, đánh giá, lựa chọn và thẩm tra các đối tác nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh, hợp tác hữu nghị và viện trợ trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp thực hiện các chương trình của tỉnh về vận động thu hút nguồn vốn ODA, chương trình xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài, thương mại và du lịch của tỉnh; tham gia ý kiến trong các cuộc đàm phán và các hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

3. Sở Công thương chủ trì tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện kế hoạch, chương trình, các quy định về hội nhập quốc tế liên quan đến công nghiệp và thương mại.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch của địa phương.

5. Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh phối hợp với Sở Ngoại vụ và các ngành, địa phương tổ chức triển khai chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

6. Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ trong việc thẩm định, giám sát quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN về bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

7. Các ngành, địa phương, cơ quan khác tùy theo từng lĩnh vực, nội dung và giai đoạn cụ thể, triển khai các hoạt động kinh tế đối ngoại theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi ngành, địa phương, cơ quan.

Điều 13. Công tác văn hóa đối ngoại

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép công tác ngoại giao văn hóa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (dài hạn và hàng năm) phù hợp với Chiến lược ngoại giao văn hóa của nhà nước và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng chương trình hoạt động ngoại giao văn hóa, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa đối ngoại, quảng bá hình ảnh, nét đẹp văn hóa của địa phương, thực hiện các chương trình triển lãm văn hóa nghệ thuật, giao lưu biểu diễn văn hóa, thể thao ở nước ngoài nhằm làm cho các nước trên thế giới hiểu biết về mảnh đất, con người và truyền thống văn hóa của Bắc Giang.

c) Tổ chức, thực hiện các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế trên địa bàn tỉnh, giới thiệu văn hóa truyền thống đến với công chúng quốc tế.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng chương trình ngoại giao văn hóa, kết nối tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao ở nước ngoài có hiệu quả thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm nhằm mở rộng quan hệ hợp tác, vun đắp mối quan hệ hữu nghị với các địa phương nước ngoài trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

b) Tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh quy định chuẩn hóa nghi lễ khánh tiết tại các cơ quan nhà nước và văn hóa giao tiếp khi ra nước ngoài. Tổ chức cung cấp thông tin văn hóa đối ngoại của tỉnh cho các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ta ở nước ngoài; các cơ quan ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế ở trong nước.

3. Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân có trách nhiệm lồng ghép, triển khai các nội dung ngoại giao văn hóa trong quá trình thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.

Điều 14. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện

chương trình, đề án và chính sách đối với người Bắc Giang ở nước ngoài và công tác bảo hộ công dân Bắc Giang ở nước ngoài theo quy định; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất các cơ chế chính sách về công tác này với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài.

b) Phối hợp với các ngành, địa phương, cơ quan trong công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; khuyến khích, vận động, hướng dẫn và hỗ trợ các cá nhân người Việt Nam, đặc biệt là người Bắc Giang ở nước ngoài và thân nhân của họ đầu tư vào địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh định kỳ tổng kết, đánh giá công tác người Việt Nam ở nước ngoài và công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ trong công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với người Bắc Giang ở nước ngoài và thân nhân của họ tại địa phương.

3. Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh tăng cường công tác vận động cộng đồng người Bắc Giang ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, tích cực tham gia đóng góp xây dựng quê hương và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Bắc Giang với địa phương nước sở tại.

4. Công an tỉnh phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp theo dõi công tác về người Bắc Giang ở nước ngoài; xác minh các thông tin cần thiết phục vụ cho việc giải quyết thủ tục công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú tại Bắc Giang, xác nhận gốc Việt Nam, kết hôn với người Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Là cơ quan đầu mối, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg.

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, chuẩn bị nội dung, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

c) Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Ngoại giao về tình hình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh.

2. Các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh và các tổ chức nước ngoài khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg.

Điều 16. Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Thẩm quyền ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc ký thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 15, Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11.

b) Việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện trong các trường hợp sau: Xuất phát từ nhu cầu hợp tác quốc tế của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình hoạt động theo thẩm quyền được giao; trường hợp các ngành, địa

phương, cơ quan có nhu cầu hợp tác phát triển hoặc đối tác nước ngoài đề nghị ký thỏa thuận quốc tế nhưng nội dung dự định ký thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh thì các đơn vị phải có văn bản báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh. Văn bản gồm những nội dung sau:

Mục đích, lý do của việc ký kết thỏa thuận quốc tế, nội dung cơ bản của thỏa thuận quốc tế, dự thảo thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

Đánh giá tác động của thỏa thuận quốc tế dự định ký kết đối với các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các tác động khác trên địa bàn tỉnh.

c) Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh:

Sở Ngoại vụ thẩm định và hoàn thiện Dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi xin ý kiến bằng văn bản Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành quản lý lĩnh vực liên quan đến hoạt động hợp tác thuộc thỏa thuận quốc tế.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đàm phán, ký hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đàm phán, ký sau khi có ý kiến trả lời bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và Bộ, ngành Trung ương liên quan.

Trường hợp Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có ý kiến khác nhau hoặc khác với ý kiến của địa phương, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11. Ý kiến của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế.

Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, Sở Ngoại vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ bằng văn bản, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo.

2. Ký kết thỏa thuận quốc tế của các ngành, địa phương, cơ quan.

a) Khi có nhu cầu ký kết thỏa thuận quốc tế về những vấn đề thuộc thẩm quyền và lĩnh vực quản lý chuyên ngành được giao, ngành, địa phương, cơ quan phải có văn bản xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) về việc đàm phán, ký kết thỏa thuận quốc tế. Văn bản phải nêu rõ mục đích của việc ký kết, nội dung chính của thỏa thuận, đánh giá tác động đối với các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các tác động khác trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Ngoại vụ có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đàm phán, ký kết. Sau khi được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, địa phương, cơ quan xin ý kiến của Bộ, ngành chủ quản và của các cơ quan liên quan; hoàn chỉnh dự thảo và gửi Sở Ngoại vụ thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để các ngành, địa phương, cơ quan làm căn cứ hoàn thiện dự thảo thỏa thuận trao đổi, đàm phán với đối tác nước ngoài.

3. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ và chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế: Người có thẩm quyền quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc chấm

dứt thỏa thuận quốc tế đó. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế được thực hiện tương tự trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế quy định khoản 1, khoản 2 điều này.

4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

a) Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, quản lý việc ký kết, thực hiện và lưu trữ thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành; tổng hợp, báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký báo cáo Bộ Ngoại giao trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Chịu trách nhiệm nghiên cứu, lựa chọn đối tác phù hợp để tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thiết lập các mối quan hệ hợp tác, hữu nghị cấp địa phương. Chú trọng tính hiệu quả, thực chất trong nội dung hợp tác, nhất là hợp tác đầu tư, thương mại nhằm khai thác lợi thế của tỉnh và phía đối tác.

Phối hợp với các ngành, địa phương liên quan chuẩn bị nội dung khung thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh; trao đổi, thống nhất ở cấp chuyên gia với phía đối tác và xin ý kiến của Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Việt Nam tại nước sở tại và các Bộ, ngành Trung ương (nếu có) trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở đàm phán, ký kết chính thức với phía đối tác. Theo dõi, đôn đốc các ngành, địa phương, cơ quan thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ và đúng lộ trình thỏa thuận, cam kết với đối tác nước ngoài.

b) Các ngành, địa phương, cơ quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động xúc tiến, thực hiện các quy định về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Định kỳ trước ngày 30 tháng 5 và 05 tháng 11 hàng năm, các ngành, địa phương, cơ quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo với Bộ Ngoại giao trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Điều 17. Công tác thông tin đối ngoại, tổng hợp tình hình quốc tế và khu vực

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương, cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý Nhà nước về thông tin đối ngoại.

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại và dự toán kinh phí hàng năm theo quy định, gửi cho Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp, xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn, đôn đốc các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh thực hiện kế hoạch thông tin đối ngoại.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương, cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp kịp thời cho Bộ Ngoại giao thông tin về địa phương để phục vụ trả lời phỏng vấn của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo tỉnh và họp báo quốc tế.

b) Thông qua các kênh đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo quốc tế, báo chí nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam và công tác về người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại nhằm thu hút đầu tư, phát triển thương mại, du lịch, mở rộng thị trường xuất khẩu, góp phần tăng cường tình hữu nghị, quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới.

c) Theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế và khu vực có tác động đến địa phương và các hoạt động đối ngoại của tỉnh.

3. Các ngành, địa phương, cơ quan khác phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ thực hiện các quy định về quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Giao dịch với đoàn ngoại giao tại Việt Nam

Sở Ngoại vụ chủ động tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành các hoạt động tiếp xúc, trao đổi thư tín ngoại giao với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam trong thực hiện công tác đối ngoại; trường hợp phát sinh vấn đề nhạy cảm, phức tạp, cần xin ý kiến Bộ Ngoại giao để được hướng dẫn cụ thể.

Điều 19. Quản lý hoạt động thông tin, báo chí của báo chí, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam hoạt động tại địa phương

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này) thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với phóng viên báo chí nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 88/2012/NĐ-CP.

b) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép cơ quan báo chí nước ngoài đặt Văn phòng thường trú hoặc cử phóng viên thường trú tại tỉnh; tiếp nhận hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép phóng viên thường trú nước ngoài đến hoạt động thông tin, báo chí tại tỉnh; chủ trì xây dựng nội dung, chương trình làm việc của Lãnh đạo tỉnh với phóng viên nước ngoài khi có yêu cầu tiếp xúc, phỏng vấn.

c) Hướng dẫn các ngành, địa phương, cơ quan trong việc tiếp xúc, làm việc và trao đổi thông tin với các phóng viên báo chí nước ngoài theo quy định. Hướng dẫn các cơ quan báo chí nước ngoài, phóng viên nước ngoài thực hiện các hoạt động thông tin, báo chí theo quy định của pháp luật.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cho phép các cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài, các đoàn khách nước ngoài họp báo tại địa phương theo quy định; cho phép các cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài đăng tin, bài, phát biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; cho phép các cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại Bắc Giang trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn các cơ quan đại diện, tổ chức nước ngoài thực hiện các quy định về hoạt động thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cho phép các cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở trên địa bàn tỉnh thực hiện các hình thức quảng cáo, quảng bá hình ảnh, thương hiệu (treo pa-nô, áp phích, màn hình, biển hiệu) bên ngoài trụ sở; chiếu phim, triển lãm và các hoạt động quảng bá khác tại địa bàn tỉnh.

4. Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công thương quản lý và xử lý vi phạm đối với các hoạt động thông tin, quảng cáo, hoạt động báo chí của cơ quan đại diện, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Quản lý tạm trú đối với phóng viên báo chí nước ngoài thường trú tại tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Các ngành, địa phương, cơ quan trong tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ trong việc tiếp xúc, làm việc và cung cấp thông tin cho các phóng viên báo chí nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tiếp nhận huân chương, huy chương hoặc danh hiệu khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tặng. Tặng, hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền tặng bằng khen, huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế

1. Tiếp nhận Huân chương, Huy chương hoặc danh hiệu khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tặng

a) Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Mặt Trận Tổ quốc tỉnh, Sở Ngoại vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc tiếp nhận huân chương, huy chương hoặc các danh hiệu khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng; phối hợp với Sở Ngoại vụ tổ chức lễ tiếp nhận theo quy định của pháp luật và nghi lễ ngoại giao.

b) Việc tiếp nhận Huân chương, Huy chương, các danh hiệu, hình thức khen thưởng khác của nước ngoài trao tặng cho các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan chính quyền của tỉnh (nếu có); Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định 67/2011/QĐ-TTg.

c) Việc tiếp nhận Huân chương, Huy chương, các danh hiệu, hình thức khen

thưởng khác của nước ngoài trao tặng cho các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

2. Tặng, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng bằng khen, huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế:

Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị và các cơ quan liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương các hình thức khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 21. Về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự

Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối thực hiện việc tiếp nhận và chuyển hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự và Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ.

Điều 22. Cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép doanh nhân sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (thẻ ABTC) theo quy định tại Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg và quy định hiện hành về trình tự, thủ tục hành chính trong việc xét, cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức đối ngoại hàng năm cho cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Nội vụ lồng ghép với kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức hàng năm của tỉnh. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 24. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Đối với các hoạt động đối ngoại nhạy cảm, phức tạp và quan hệ với một số đối tác nước ngoài đặc biệt, Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan trước khi thực hiện.

2. Trong phạm vi 05 ngày làm việc sau khi kết thúc một hoạt động đối ngoại, các ngành, địa phương, cơ quan có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền bằng văn bản theo quy định phân cấp tổ chức và quản lý cán bộ, công chức; đồng thời gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

3. Định kỳ 6 tháng, hàng năm và trường hợp đột xuất, các ngành, địa phương, cơ quan có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo định kỳ nêu trên gửi trước ngày 30 tháng

5 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 05 tháng 11 (đối với báo cáo hàng năm). Báo cáo kết quả công tác đối ngoại hàng năm của tỉnh (theo Mẫu 05 kèm theo Quy chế này) gửi Bộ Ngoại giao trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Trách nhiệm của các ngành, địa phương, cơ quan liên quan

1. Sở Ngoại vụ chủ trì theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động đối ngoại được quy định tại Quy chế này, đồng thời là cơ quan thường trực tổng hợp và giải quyết các vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện của các ngành, các cấp; kịp thời báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, địa phương, cơ quan trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện các hoạt động đối ngoại tại đơn vị theo quy chế này; bố trí lãnh đạo và cán bộ theo dõi công tác đối ngoại, triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

2. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh vướng mắc, hoặc có những kiến nghị đề xuất, các ngành, địa phương, cơ quan kịp thời phản ánh về Sở Ngoại vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

PHẦN PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Mẫu 1: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra trong năm

Mẫu 2: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn vào trong năm

Mẫu 3: Tờ trình về việc bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ hoạt động đối ngoại trong Chương trình hoạt động đối ngoại năm

Mẫu 4: Đề án thực hiện hoạt động đối ngoại.

Mẫu 5: Báo cáo kết quả công tác đối ngoại địa phương năm

Mẫu 1

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA NĂM

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Đến nước	Cấp Trưởng đoàn	Nội dung hoạt động và đối tác	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú:

- Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu; khảo sát thực tế ở nước ngoài phục vụ nhu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học ...
- Đến nước: nước đến công tác theo lộ trình.
- Cấp Trưởng đoàn: Chức vụ Trưởng đoàn dự kiến.
- Nội dung hoạt động và đối tác: những nội dung làm việc chính; đối tác chủ yếu sẽ làm việc ...
- Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên tham gia Đoàn dự kiến.
- Số ngày: tổng số ngày ở nước ngoài, kể cả thời gian đi - về và quá cảnh.
- Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.
- Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí triển khai lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước ...).

Mẫu 2

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO NĂM

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn	Cấp Trưởng đoàn	Cơ quan, tổ chức, chủ trì đón Đoàn, nội dung hoạt động chính	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí đón Đoàn
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú:

1. Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu, khảo sát thực tế; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học ...
2. Đến từ nước: ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn. Trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở.
3. Cấp Trưởng đoàn: chức vụ Trưởng đoàn dự kiến.
4. Cơ quan, tổ chức chủ trì đón Đoàn; nội dung hoạt động chính: tên cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì đón Đoàn. Những nội dung hoạt động chính của Đoàn trong thời gian ở Việt Nam.
5. Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên Đoàn dự kiến.
6. Số ngày: tổng số ngày ở Việt Nam.
7. Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.
8. Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí đón Đoàn lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước ...).

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

TỜ TRÌNH**Về việc bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ hoạt động đối ngoại trong
Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm¹**

1. Tên hoạt động cần bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ
2. Lý do bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ hoạt động
3. Mục đích
4. Quy mô
5. Thời gian
6. Thành phần tham gia: *(nêu rõ thông tin về đối tác nước ngoài)*
7. Kế hoạch triển khai
8. Kinh phí.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM*(Ký tên, đóng dấu)*

¹ Cần gửi kèm theo ý kiến bằng văn bản của các cơ quan nhà nước có liên quan.

Tên cơ quan, đơn vị tổ chức

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

ĐỀ ÁN

Thực hiện hoạt động đối ngoại

1. Bối cảnh
2. Danh nghĩa
3. Mục đích
4. Yêu cầu
5. Nội dung hoạt động
6. Thành phần tham gia
7. Mức độ tiếp xúc (đối với đoàn ra)
8. Mức độ đón tiếp (đối với đoàn vào)
9. Kiến nghị nội dung phát biểu của Trưởng đoàn.
10. Nội dung các văn kiện và thỏa thuận hợp tác (nếu có)
11. Mức độ và yêu cầu về thông tin tuyên truyền
12. Chế độ ăn nghỉ
13. Phương tiện đi lại
14. Tặng phẩm, kinh phí.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI**
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan/tổ chức/tỉnh/thành phố

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

BÁO CÁO**Kết quả công tác đối ngoại địa phương năm****I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI TOÀN DIỆN CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI TRONG NĂM**

1. Việc thực hiện quy chế quản lý thống nhất đối ngoại tại địa phương
2. Hiệu quả của các hoạt động đã triển khai
 - Mặt được
 - Mặt hạn chế
 - Khó khăn
 - Nguyên nhân
 - Các vấn đề đặt ra

II. PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NĂM SAU

1. Bối cảnh
2. Các trọng tâm công tác
3. Các điều kiện đảm bảo
4. Các đề xuất, kiến nghị
5. Biện pháp, giải pháp thực hiện

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỊU TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO**
(Ký tên, đóng dấu)